

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THỰC HIỆN DỊCH VỤ KỸ THUẬT Y TẾ
(Số: 01/HĐ-BVLao)

- Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Thông tư số 30/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020, của Bộ Y tế quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế;
- Căn cứ công văn số 561/BHXX-CSYT của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Thông tư 30/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020;

- Căn cứ sự thỏa thuận và nhu cầu của hai bên,

Hôm nay, ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định chúng tôi gồm có:

BÊN A : BỆNH VIỆN LAO VÀ BỆNH PHỔI BÌNH ĐỊNH

Đại diện : Châu Văn Tuấn Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Tổ 2, Khu Vực 5, Phường Nhơn Phú, TP Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại : 0563.848687 Fax : 0563.848892
Tài khoản : 3716.2.1047907.00000 tại Kho bạc Nhà nước: KBNN Bình Định

BÊN B : BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BÌNH ĐỊNH

Đại diện : Ông Nguyễn Hoàn Cường Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Số 106 Nguyễn Huệ, p. Trần Phú, tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại : 0256.3824.475
Tài khoản :

- 3714.0.1047908.00000 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bình Định.

- 3939687777 tại VCB – Chi nhánh Bình Định.

- 581.10.00.3867777 tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài

Mã số thuế : 4 1 0 0 5 4 2 4 8 3

Điện thoại : 0256.3822290

Mã cơ sở khám chữa bệnh: 52001

Sau khi cùng nhau bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng hợp tác cung cấp dịch vụ với những điều khoản sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1. Bên A đồng ý giao cho bên B mẫu bệnh phẩm để thực hiện các xét nghiệm theo yêu cầu của bên A (có danh mục gửi kèm hợp đồng).

2. Số lượng và loại mẫu bệnh phẩm sẽ tùy thuộc vào nhu cầu khám chữa bệnh của bệnh nhân từng thời điểm, do bên A quyết định.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN XÉT NGHIỆM

Phòng Xét nghiệm: Huyết học, Sinh hóa, Vinh Sinh và khoa Giải phẫu – Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định, số 106 Nguyễn Huệ, Phường Trần Phú, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh số 01090/BĐ-GPHĐ cấp ngày 03/3/2020.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**1. Trách nhiệm của bên A**

- Thực hiện khám chữa bệnh và chỉ định xét nghiệm theo các qui định hiện hành.

- Làm thủ tục bàn giao mẫu bệnh phẩm và phiếu chỉ định xét nghiệm (có chữ ký xác nhận của hai bên) trong giờ làm việc hành chính sáng 07:00 – 11:00, chiều 13:00 – 15:00 các ngày làm việc trong tuần từ thứ hai đến thứ sáu.

- Cử cán bộ Khoa xét nghiệm theo dõi, giám sát quá trình lấy mẫu và vận chuyển mẫu bệnh phẩm đảm bảo tuân thủ các quy định của bên B và các qui định về an toàn sinh học. Đồng thời giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến Bên B.

- Nhận kết quả xét nghiệm từ bên B theo các hình thức như qua nhóm Zalo hoặc theo yêu cầu của bên A.

- Thanh toán chi phí xét nghiệm cho bên B đã nhận và thực hiện vào đầu mỗi tháng trong năm theo đơn giá tại thời điểm thực hiện dịch vụ. Cụ thể:

+ Quyết định số 67/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc tỉnh Bình Định.

+ Thông tư số 13/2019/TT-BYT ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2018/TT- BYT ngày 30/11/2018 của Bộ Y tế, quy định thống nhất giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện đồng hạng trên toàn quốc và hướng dẫn áp dụng giá, thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong một số trường hợp.

- Nếu có bất cứ sự thay đổi nào liên quan đến hợp đồng này, Bên A phải thông báo kịp thời cho Bên B trước 30 ngày.

2. Trách nhiệm bên B:

- Kiểm tra chất lượng mẫu bệnh phẩm và các thông tin trên phiếu chỉ định, trên mẫu ngay khi nhận. Nếu không đảm bảo chất lượng mẫu hoặc không đầy đủ thông tin cần liên lạc với bên A để lấy lại bệnh phẩm hoặc bổ sung thông tin.

- Tiến hành dịch vụ xét nghiệm theo đúng chuyên môn kỹ thuật đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và cho phép; đảm bảo kết quả xét nghiệm chính xác.

- Bên B có trách nhiệm cung cấp các hồ sơ minh chứng đủ điều kiện thực hiện các dịch vụ xét nghiệm cho cơ quan bảo hiểm xã hội trong trường hợp cần thiết.

- Đảm bảo có kết quả xét nghiệm tải lượng bằng giấy cho từng mẫu trong thời gian quy định từ khi lấy mẫu bệnh phẩm và trả lại kết quả xét nghiệm cho bên A. Trong trường hợp không thể trả kết quả xét nghiệm đúng thời gian thì phải thông báo cho bên A lý do không thể trả đúng hạn cũng như thời hạn sẽ trả kết quả.

- Chậm nhất tuần đầu tháng kế tiếp, ký xác nhận và đóng dấu vào Danh sách do bên A lập về người bệnh BHYT đã được lấy bệnh phẩm từ bên A và làm các dịch vụ xét nghiệm tại bên B từ bên A gửi sang rồi chuyển trả lại cho bên A.

- Nếu có bất cứ sự thay đổi nào liên quan đến hợp đồng này, Bên B phải thông báo kịp thời cho Bên A trước 30 ngày.

ĐIỀU 4. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THỜI HẠN THANH, QUYẾT TOÁN

- Giá trị hợp đồng: **145.074.000 đồng**

- Định kỳ vào ngày 5 đến ngày 10 hàng tháng, hai bên sẽ tiến hành đối chiếu, xác nhận công nợ thực hiện dịch vụ kỹ thuật y tế của tháng trước.

- Căn cứ vào biên bản xác nhận công nợ hàng tháng và hóa đơn do Bên B cung cấp, Bên A sẽ thanh toán đầy đủ chi phí thực hiện dịch vụ kỹ thuật y tế cho bên B.

ĐIỀU 5: LOẠI HỢP ĐỒNG: Hợp đồng theo đơn giá cố định

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM TRONG VIỆC THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các qui định của Pháp luật có liên quan và các điều khoản của Hợp đồng; cùng hợp tác giúp đỡ lẫn nhau hoàn thành nhiệm vụ. Nếu bên nào thực hiện không đúng theo hợp đồng, không đúng với thoả thuận về chất lượng xét nghiệm, tiến độ xét nghiệm, thời hạn thanh toán thì bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại giá trị thực tế.

- Nếu bên B để thất lạc mẫu bệnh phẩm hoặc cần kiểm tra lại kết quả xét nghiệm, bên B phải kịp thời báo cho bên A lấy lại mẫu bệnh phẩm.

- Việc vi phạm hợp đồng của các bên mà gây thiệt hại vật chất cho phía bên kia thì bên vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo giá trị thực tế.

- Trong trường hợp có thay đổi hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, hai Bên phải thông báo cho nhau trước ít nhất 30 ngày để đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm y tế và quyền lợi của các bên.

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/7/2024.
- Hợp đồng được thành lập 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(*Bệnh viện Lao và Bệnh phổi*)



GIÁM ĐỐC

Châu Văn Tuấn

ĐẠI DIỆN BÊN B
(*Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định*)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàn Cường

VIỆ
:HOA
★

PHỤ LỤC
DANH MỤC DỊCH VỤ KỸ THUẬT

Stt	Tên dịch vụ	Mã dùng chung	Giá thanh toán	Số lượng mẫu/năm	Thành tiền
I	XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC				15.622.000
1	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ, Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	22.0001.1352	63.500	60	3.810.000
2	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (Tên khác: TCK) bằng máy tự động	22.0005.1354	40.400	30	1.212.000
3	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (bao gồm kim chọc tủy nhiều lần)	22.0126.0091	530.000	20	10.600.000
II	XÉT NGHIỆM SINH HÓA				68.522.000
4	Định lượng proBNP (NT-proBNP)	01.0298.1466	581.000	40	23.240.000
5	Định lượng Troponin Ths [Máu]	23.0160.1569	75.400	30	2.262.000
6	Định lượng Glucose (dịch não tủy)	23.0208.1605	12.900	20	258.000
7	Định lượng Protein (dịch não tủy)	23.0210.1607	10.700	20	214.000
8	Định lượng Glucose (dịch chọc dò)	23.0217.1605	12.900	40	516.000
9	Định lượng Protein (dịch chọc dò)	23.0219.1494	21.500	40	860.000
10	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]	23.0043.1478	37.700	20	754.000

Stt	Tên dịch vụ	Mã dùng chung	Giá thanh toán	Số lượng mẫu/năm	Thành tiền
11	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sensitivity) [Máu]	23.0050.1484	53.800	70	3.766.000
12	Phản ứng Rivalta [dịch]	23.0220.1608	8.500	50	425.000
13	Định lượng T4 (Thyroxine)	23.0148.1561	64.600	100	6.460.000
14	HBsAg miễn dịch tự động	24.0119.1649	74.700	300	22.410.000
15	Định lượng MAU (Micro Albumin Arine) [niệu]	23.0189.1587	43.100	20	862.000
16	Xét nghiệm Khí máu [Máu]	23.0103.1531	215.000	20	4.300.000
17	Định lượng Protein (niệu)	23.0201.1593	13.900	50	695.000
18	Định lượng Glucose (niệu)	23.0187.1593	13.900	50	695.000
19	Định lượng Creatinin (niệu)	23.0184.1598	16.100	50	805.000
III	XÉT NGHIỆM VI SINH				60.930.000
20	Mycobacterium tuberculosis Real-time PCR	24.0032.1687	358.000	20	7.160.000
21	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	24.0003.1715	238.000	50	11.900.000
22	Vi khuẩn kháng thuốc định tính	24.0006.1723	196.000	40	7.840.000
23	Vi khuẩn kháng thuốc định lượng (MIC) (cho 1 loại kháng sinh)	24.0008.1722	184.000	40	7.360.000
24	Vi khuẩn kháng thuốc hệ thống tự động	24.0007.1723	196.000	30	5.880.000
25	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh hệ thống tự động	24.0004.1716	297.000	70	20.790.000
TỔNG CỘNG: (I)+(II)+(III)					145.074.000